

Bản án số: **70/2020/DS-ST**

Ngày **18** tháng **8** năm 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Đào Văn Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày **18** tháng **8** năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 141/2020/TLST-DS, ngày 10/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2020/QĐXXST-DS, ngày 27/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Nguyễn Vĩnh P, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 6 năm 2020)

2. Bị đơn: Huỳnh Văn N1, sinh năm 1952, địa chỉ: ấp H, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2020 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Vĩnh P trình bày: Vào năm 2012, bà N có thỏa thuận cho ông Huỳnh Văn N1 vay số tiền 200.000.000 đồng, trả lãi hàng tháng với mức lãi suất là 2%/tháng và trả vốn khi bà N có yêu cầu, nhưng sau khi vay tiền, ông N1 không thực hiện đúng thỏa thuận, nên bà N gửi đơn đến Tổ Hòa giải ấp H, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để yêu cầu giải quyết. Tại buổi hòa giải lần 1 ngày 18/5/2015 các bên không thỏa thuận được về thời gian thanh toán nợ, đến buổi hòa giải lần 2 ngày 28/5/2015 thì các bên đã thương lượng thỏa thuận được và ghi nhận kết quả hòa giải thành, theo đó xác định số tiền ông N1 còn nợ bà N là

280.000.000 đồng và thỏa thuận thời gian ông N1 trả cho bà N mỗi vụ lúa là 20.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 11/4/2015 âm lịch cho đến khi hết số tiền 280.000.000 đồng. Nhưng từ đó đến nay, ông N1 tuy vẫn có thực hiện việc trả nợ nhưng chưa đầy đủ. Trong đơn khởi kiện ban đầu, bà N yêu cầu ông N1 trả số tiền 211.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông P được bà N ủy quyền đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng; yêu cầu khởi kiện còn lại của bà N là buộc ông N1 trả số tiền 191.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày khởi kiện là ngày 08/6/2020 đến ngày xét xử.

Bị đơn Huỳnh Văn N1 trình bày: Ông N1 thừa nhận trước đây ông có vay nợ của bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền 200.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 3%/tháng, ông N1 cho biết việc vay tiền này là do ông đứng ra vay dùm cho cháu ông, hàng tháng cháu ông có đưa tiền cho ông để đóng lãi cho bà N, được một thời gian thì do làm ăn thất bại nên ngưng đóng lãi, cũng chưa trả vốn cho bà N. Khi bà N yêu cầu địa phương hòa giải thì hai bên đã thống nhất được số nợ ông N1 còn phải trả cho bà N là 280.000.000 đồng và thỏa thuận thời gian thanh toán định kỳ như phần trình bày của phía bà N là đúng. Ông N1 cho biết ông đã trả cho bà N được 89.000.000 đồng và xác nhận hiện nay ông còn nợ bà N số tiền 191.000.000 đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông N1 đồng ý trả số tiền 191.000.000 đồng nhưng ông yêu cầu không tính lãi nữa, vì khi tổng kết nợ đã có tính lãi vào, đồng thời ông có yêu cầu được trả dần, cứ mỗi 04 tháng ông N1 sẽ trả cho bà N 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 191.000.000 đồng.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 191.000.000 đồng và xem xét việc tính lãi theo quy định của pháp luật; áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn đối với số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ N là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 211.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử; nhưng sau đó, nguyên đơn đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là giảm một phần số tiền yêu cầu bị đơn phải trả xuống còn 191.000.000 đồng (giảm 20.000.000 đồng) và thay đổi với mức tính lãi suất là 10%/năm; xét thấy việc thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đơn đề ngày 23/7/2020 đã được xác nhận tại phiên tòa là do phía nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không có sự đe dọa hoặc ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền và lợi

ích hợp pháp của người khác, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại là việc nguyên đơn (bà N) đòi bị đơn (ông N1) trả số tiền 191.000.000 đồng, đã được bị đơn (ông N1) thừa nhận còn nợ số tiền này và ông N1 có yêu cầu trả dần, nhưng vụ việc không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn cũng không đồng ý việc yêu cầu trả dần của phía bị đơn. Xét thấy sự thừa nhận của ông N1 còn nợ số tiền 191.000.000 đồng, đúng với yêu cầu khởi kiện của bà N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận để buộc ông N1 có nghĩa vụ trả số tiền 191.000.000 đồng cho bà N, còn về thời gian trả và yêu cầu trả dần sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết ở giai đoạn thi hành án.

[4] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi tính theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số tiền 191.000.000 đồng từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử, nhưng bị đơn cho rằng trước đây khi tổng kết nợ đã có tính và đưa tiền lãi vào nên không đồng ý; xét thấy yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền cho vay là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật; tuy nhiên cần phải xác định lại số tiền vốn gốc cho vay để tính lãi, cụ thể là vốn gốc cho vay ban đầu được xác định là 200.000.000 đồng, bị đơn đã trả được 89.000.000 đồng nhưng không thể hiện để phân biệt rõ là đã trả trong phần vốn gốc hay tiền lãi, nên cần xác định theo hướng có lợi cho bị đơn khoản tiền đã trả là vốn gốc, như vậy vốn gốc để tính lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sẽ là 111.000.000 đồng (200.000.000 đồng - 89.000.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn trả lãi cho nguyên đơn thời gian từ ngày khởi kiện (ngày 08/6/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/8/2020) là 02 tháng 10 ngày, bằng số tiền 2.150.000 đồng (111.000.000 đồng x 10%/năm x 02 tháng 10 ngày).

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng người phải chịu án phí trong vụ án này thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 (diện người cao tuổi), tại phiên tòa, ông N1 có yêu cầu miễn án phí theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280; 357; 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, về việc giảm bớt số tiền yêu cầu bị đơn phải trả từ 211.000.000 đồng xuống còn 191.000.000 đồng.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn; buộc ông Huỳnh Văn N1 trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền 191.000.000 đồng và tiền lãi 2.150.000 đồng; tổng cộng là 193.150.000 đồng (*Một trăm chín mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Huỳnh Văn N1 được miễn án phí số tiền 9.657.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Mỹ N không phải chịu án phí; trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 5.275.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004181 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu